

**THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/KDTM-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Ông Hồ Đắc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-KDTM ngày 03.3.2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24.6.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2020/QĐST-KDTM ngày 10.7.2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T, địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP T – CN B, địa chỉ: 98 M, thành phố Q, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ 45, khu vực 6, phường L, thành phố Q, tỉnh B.

Tại phiên tòa, ông H có mặt; bà E vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) – do ông Trần Đức H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08.11.2018 bà Lê Thị Bích T ký với Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh B Hợp đồng tín dụng số LD1831100510 với các nội dung chính vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh hàng Sâm Yên; Lãi suất 6 tháng đầu tiên 11%/năm đối với lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất do ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ; thời hạn vay 12 tháng; ngoài ra hợp đồng còn có các nội dung như phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi, hình thức giải ngân... Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, ngày 08.11.2018 bà T đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số LD1831100510/HĐTC tại Phòng công chứng số 1 tỉnh B thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn P, xã X, huyện S, tỉnh B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời điểm tháng 10.2019 bà T chỉ trả được tổng số tiền 48.387.646 đồng, sau đó bà T không tiếp tục trả. Mặc dù nhiều lần ngân hàng đã nhắc nhở nhưng bà T cố tình không trả nợ theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18.9.2020 bà T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 198.107.209 đồng, trong đó: gốc 171.754.649 đồng; Lãi trong hạn 18.029.400 đồng, lãi quá hạn 8.178.345 đồng và lãi chậm trả 144.815 đồng. Nay Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu buộc bà Lê Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 198.107.209 đồng và kể từ ngày 19.9.2020, bà T còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng thì toàn bộ tài sản thế chấp sẽ được xử theo quy định của pháp luật để trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

**/ Bị đơn Lê Thị Bích T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa triệu tập, thông báo bà T đến để làm việc và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà T không đến Tòa, gây khó khăn cho quá trình thu thập chứng cứ của Tòa.

**/ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật*

tổ tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 117, 299, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T, buộc bà Lê Thị Bích T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 198.107.209 đồng, trong đó: gốc 171.754.649 đồng; Lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn 26.352.560 đồng. Nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê Thị Bích T cư trú tại tổ 45, khu vực 6, phường L, thành phố Q. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Bích T mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Ngày 08.11.2018 giữa bà Lê Thị Bích T và Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh B có ký Hợp đồng tín dụng số LD1831100510 với các nội dung chính bà T vay số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh hàng Sâm Yên; Lãi suất 6 tháng đầu tiên 11%/năm đối với lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Thời hạn vay 12 tháng; ngoài ra hợp đồng còn có các nội dung như phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi, hình thức giải ngân... Đến tháng 10.2019 bà T chỉ trả cho Ngân hàng được 48.387.646 đồng, sau đó bà T không tiếp tục trả. Tính đến ngày 18.9.2020 bà T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 198.107.209 đồng, trong đó: gốc 171.754.649 đồng; lãi trong hạn 18.029.400 đồng, lãi quá hạn 8.178.345 đồng và lãi chậm trả 144.815 đồng. Ngoài ra, để bảo đảm cho khoản vay nói trên, bà T đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn P, xã X, huyện S, tỉnh B theo hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1831100610/HĐTC ngày 08.11.2018. Nay Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu buộc bà Lê Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nói trên đồng thời tiếp tục cho tính lãi phát sinh kể từ ngày 19.9.2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng thì toàn bộ tài sản thế chấp sẽ được xử theo quy định của pháp luật để trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

HĐXX thấy rằng, quá trình thực hiện hợp đồng bà T thường xuyên không thanh toán gốc, lãi, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 198.107.209 đồng, trong đó: gốc 171.754.649 đồng; Lãi trong hạn 18.029.400 đồng, lãi quá hạn 8.178.345 đồng, lãi chậm trả 144.815 đồng và kể từ ngày 19.9.2020, bà T còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ. Ngoài ra, xét nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa bà T và Ngân hàng số LD1831100510/HĐTC ngày 08.11.2018 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh B đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn P, xã X, huyện S, tỉnh B phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là căn cứ phát sinh quyền nghĩa vụ của các bên khi phát sinh tranh chấp. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu nếu trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466; 317, 318, 320, 321, 322, 323 của BLDS và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí KDTM-ST và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Về án phí KDTM-ST: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30.12.2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà T phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã tạm ứng chi phí 3.000.000 đồng, bà T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30.12.2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP
T:

Buộc bà Lê Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 198.107.209 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu, một trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm lẻ chín đồng*) trong đó: gốc 171.754.649 đồng (*Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm năm mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi chín đồng*); Lãi trong hạn 18.029.400 đồng (*Mười tám triệu, không trăm hai mươi chín ngàn, bốn trăm đồng*), lãi quá hạn 8.178.345 đồng (*Tám triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm bốn mươi lăm đồng*) và lãi chậm trả 144.815 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm mười lăm đồng*).

Kể từ ngày 19.9.2020, bà Lê Thị Bích T còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà T không không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung Hợp đồng thế chấp số LD 1831100610/HĐTC ngày 08.11.2018 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh B, gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn P, xã X, huyện S, tỉnh B.

2. Về án phí KDTM-ST và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

2.1. Về án phí KDTM-ST: Bị đơn bà Lê Thị Bích T phải chịu 9.905.000 đồng (*Chín triệu chín trăm lẻ năm ngàn đồng*); Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0007616 ngày 26.02.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Lê Thị Bích T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*).

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự bà T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Q;
- TAND TP.Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Định